

Số: 1343334

|                                                | Peugeot 408 Premium | New Mazda CX-8 2.5 Signature AWD          |
|------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 1.119.000.000đ      | 1.149.000.000đ                            |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                     |                                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4687 x 1850 x 1510  | 4900 x 1840 x 1730                        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2787                | 2930                                      |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 189                 | 200                                       |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1450                | 1770                                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1900                | 2365                                      |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 536                 | 209                                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 52                  | 72                                        |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                   | 7                                         |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước    | SX-LR trong nước                          |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                     |                                           |
| Loại động cơ                                   | 1,6 Turbo PureTech  | SkyActiv-G 2.5L                           |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1598                | 2488                                      |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 218 / 5500          | 188 / 6000                                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 / 2000          | 252 / 4000                                |
| Hộp số                                         | 8AT                 | 6AT                                       |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)     | Cầu trước (FWD)                           |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson  | Độc lập Mc Pherson                        |
| Hệ thống treo sau                              | Bán Độc Lập         | Liên kết đa điểm                          |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                 | Đĩa                                       |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                 | Đĩa                                       |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R18          | 225/55 R19                                |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.2                 | 13.38                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.7                 | 7.34                                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7                   | 9.58                                      |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                   | ●                                         |
| Chế độ lái                                     | Eco/Normal/Sport    | Normal - Sport - Offroad                  |
| Chế độ địa hình                                | -                   |                                           |
| NGOẠI THẤT:                                    |                     |                                           |
| Cụm đèn trước                                  | LED                 | LED Projector                             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                   | ●                                         |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                   | Đèn thích ứng thông minh ALH              |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                   | ●                                         |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                   | Mở rộng góc chiếu theo hướng đánh lái AFS |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                   | ●                                         |
| Đèn sương mù                                   | -                   | LED                                       |
| Cụm đèn sau                                    | LED                 | LED                                       |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                   | ●                                         |
| Gạt mưa tự động                                | ●                   | ●                                         |
| Cửa sổ trời                                    | -                   | ●                                         |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                     |                                           |

|                                                 |             |                 |
|-------------------------------------------------|-------------|-----------------|
| Vô lăng bọc da                                  | ●           | ●               |
| Chất liệu ghế                                   | Da Claudia  | Da Nappa Nâu Đỏ |
| Ghế người lái chỉnh cơ                          | -           |                 |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●           | ●               |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | -           | ●               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | -           |                 |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | ●           | ●               |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát             | -           |                 |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | -           |                 |
| Hàng ghế trước có tính năng massage             | -           |                 |
| Tính năng cửa hít                               | -           |                 |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●           | ●               |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Digital 10  |                 |
| Màn hình HUD                                    | -           | ●               |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | Digital 10  | 8"              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●           | ● (Không dây)   |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●           | ●               |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2           | 3               |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●           | ●               |
| Chìa khóa thông minh                            | ●           | ●               |
| Khởi động nút bấm                               | ●           | ●               |
| Khởi động từ xa                                 | -           |                 |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa       | 10 loa Bose     |
| Lấy chuyển số                                   | ●           |                 |
| Sạc không dây Qi                                | ●           |                 |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●           | ●               |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | -           | ●               |
| Đèn trang trí nội thất                          | -           |                 |
| Rèm che nắng                                    | -           | Chỉnh tay       |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●           | ●               |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |             |                 |
| Số túi khí                                      | 6           | 6               |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●           | ●               |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●           | ●               |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●           | ●               |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●           | ●               |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●           | ●               |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●           | ●               |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●           | ●               |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & sau | Trước/Sau       |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●           | ●               |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●           | ●               |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●           | ●               |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●           | ●               |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●           | ●               |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●           | ●               |

Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng



Hệ thống cảnh báo áp suất lốp



Camera lùi



● (Camera 360)